

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169/2024/KDTM-PT**

Ngày: 10 - 7- 2024.

V/V tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Ông Lê Thọ Viên

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Anh– Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 và ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 116/KDTM-PT ngày 19/4/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2622/QĐPT-KDTM ngày 15/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7629/2024/QĐ-HPT ngày 05/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà L, 67 T, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Ng- Chức vụ: Nhân viên Pháp chế. (Có mặt).

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà L, 67 T, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền số 747/UQ-MK ngày 31/5/2024);

Bị đơn: Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ.

Địa chỉ: B6/21W1 Ấp 2, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Hiên. Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Phạm Thị Mỹ Nhi, sinh năm 1997; (Có mặt).

Bà Trần Thanh Hợi, sinh năm 1995; (Có mặt).

Địa chỉ: B6/21W1 Ấp 2, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2024)

Do có kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2023, các bản tự khai và các biên hòa giải, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng Ng trình bày:

Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 193/KD/2021/CC1-MK ký ngày 09/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 K (viết tắt là Công ty K) và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ (viết tắt là Công ty B). Nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn từ ngày 15/06/2021 đến 30/11/2021 một khối lượng bê tông tươi là 956 m³ và dịch vụ bơm bê tông 531,5 m³ cho công trình: Dự án Khu căn hộ Thương mại Đại Phú, địa chỉ: Đường Thống Nhất, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị thành tiền là 1.247.185.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty B mới chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 K từ 30/12/2022 đến ngày 20/04/2023 số tiền là 474.796.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 K số tiền là 772.389.000 đồng.

Tính đến ngày 22/02/2023, Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ có ký Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K số tiền nợ gốc là 772.389.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 300.000.000 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ thanh toán hết số tiền nợ gốc còn lại là: 772.389.000 đồng và tiền lãi (1,25%/tháng theo khoản 4.6 Điều 4 của hợp đồng) phát sinh do chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng mua bán bê

tông số 193/KD/2021/CC1-MK ký ngày 09/06/2021 tính đến ngày xét xử, tạm tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày 22/02/2023 là 300.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi phạt quá hạn tính từ ngày 23/02/2023 đến ngày xét xử.

Đối với Ủy nhiệm chi ngày 07/01/2022 mà phía bị đơn cung cấp, hai bên thống nhất đưa số tiền này vào công trình theo hợp đồng số 23 KD/2021/CC1-MK ký ngày 27/01/2021 phục vụ cho công trình Citilight Tân Hiệp, Biên Hòa (nội dung thỏa thuận đã được hai bên thỏa thuận trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2022 giữa hai bên).

Bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại HD có đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Mỹ N trình bày:

Bị đơn xác nhận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 K và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại HD có ký kết Hợp đồng 193/KD/2021/CC1-MK ký ngày 09/6/2021 có giá trị là 1.247.185.000 (Một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng. Theo đó, Công ty K đã xuất hóa đơn cho Công ty chúng tôi lần lượt là hóa đơn số 0004835 ngày 30/6/2021 và hóa đơn số 0005448 ngày 30/11/2021. Ngày 22/12/2021, Công ty K có gửi cho chúng tôi Giấy đề nghị thanh toán về việc thanh toán tiền bê tông theo hóa đơn số 0005448 ngày 30/11/2021.

Thực hiện đúng cam kết, ngày 07/01/2022 Công ty chúng tôi đã thực hiện việc thanh toán số tiền 1.190.580.000 đồng cho Công ty K với nội dung “Hải Đăng TB thanh toán tiền cho Công ty Số 1 K hóa đơn số 0005448 theo HD số: 193KD/2021/CC1-MK ký ngày 09/6/2021” (Đính kèm: Ủy nhiệm chi ngày 07/01/2022).

Đối với hóa đơn số 0004835 ngày 30/6/2021 chúng tôi cũng đã thực hiện việc thanh toán lũy kế theo Phiếu báo dư nợ tại ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Nguyễn Oanh, Tp.HCM ngày 12/11/2021.

Như vậy, dựa trên cơ sở, chứng cứ có trong vụ án thì Công ty HD đã thực hiện việc thanh toán đầy đủ giá trị của Hợp đồng 193 cho Công ty K. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty K, yêu cầu công ty chúng tôi thanh toán số tiền nợ gốc 772.389.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) cùng với số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là không có căn cứ theo quy định tại Điều 4.3 quy định “Hồ sơ thanh toán” bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán; Biên bản xác nhận khối lượng; Hóa đơn GTGT và tại Điều 4.4 Hợp đồng quy định về “Thời hạn thanh toán” như sau: “*Trong vòng 21 ngày kể từ ngày Bên B giao hóa đơn GTGT cho Bên A, Bên A phải thanh toán hết 100% giá trị thể hiện trên hóa đơn GTGT cho Bên B*”. Vì vậy, kính mong Quý Tòa xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/KDTM-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K.

2. Buộc Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HD phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K số tiền gốc là 772.389.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng mua bán bê tông số 193/KD/2021/CC1-MK ký ngày 09/06/2021 tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày 22/02/2023 là 300.000.000 đồng. Tính từ ngày 23/02/2023 đến ngày 28/02/2024 là 119.076.638 đồng. Tổng cộng là: 1.191.465.638 (Một tỷ một trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi tám) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án.

Ngày 06/3/2024 bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HD kháng cáo bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 1 K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

* Đại diện bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HD yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm do có mâu thuẫn chứng cứ, không đảm bảo quyền lợi của Công ty B.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HD là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HD còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 193/KD/2021/CC1-MK ngày 09/06/2021 giữa Công ty K và Công ty B, theo đó từ ngày 15/06/2021 đến 30/11/2021 Công ty K đã cung cấp cho Công ty B một khối lượng bê tông tươi là 956 m³ và dịch vụ bơm bê tông 531,5 m³ cho công trình: Dự án Khu căn hộ Thương mại Đại Phú, địa chỉ: Đường Thống Nhất, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị thành tiền là 1.247.185.000 đồng.

Căn cứ Bản đối chiếu công nợ ngày 30/06/2022 giữa Công ty K và Công ty B thể hiện: Tính đến ngày 30/6/2022 Công ty B còn nợ Công ty K số tiền gốc là 5.072.389.000 đồng, trong đó khu căn hộ thương mại Đại Phú là 1.247.185.000 đồng, Citilight Tân Hiệp, Biên Hòa là 3.825.204.000 đồng. Cũng tại bản đối chiếu công nợ này xác nhận Công ty B đã thanh toán cho Công ty K số tiền là 1.190.580.000 đồng vào ngày 07/01/2022 theo số chứng từ BC 063 để thanh toán cho công trình Citilight Tân Hiệp, Biên Hòa.

Căn cứ Bản đối chiếu công nợ ngày 17/11/2022 được ký kết giữa hai bên xác nhận tính đến ngày 17/11/2022 Công ty B còn nợ Công ty K số tiền như sau: Khu căn hộ thương mại Đại Phú là 1.247.185.000 đồng; dự án Citilight Tân Hiệp, Biên Hòa 525.204.000 đồng; Tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 300.000.000 đồng.

Căn cứ bản đối chiếu công nợ ngày 22/02/2023 hai bên xác nhận: Công nợ đến ngày 22/02/2023 công trình Khu căn hộ thương mại Đại Phú như sau:

Về phần thanh toán: Ngày 30/12/2022 Công ty B đã trả cho Công ty K số tiền 274.796.000 đồng (theo số chứng từ BC394); Ngày 13/01/2023 Công ty B trả cho Công ty K số tiền 200.000.000 đồng (theo số chứng từ BC 128); Tổng cộng là 474.796.000 đồng. Số tiền gốc Công ty B còn nợ Công ty K là 772.389.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 300.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.072.389.000 đồng.

Xét kháng cáo Công ty B cho rằng ngày 07/01/2022 Công ty B đã thanh toán cho Công ty K số tiền 1.190.580 đồng cho hóa đơn số 0005448 ngày 30/11/2021 của hợp đồng số 193 Khu căn hộ thương mại Đại Phú nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

Xét, như trên đã nhận định, tại Bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2022 và ngày 17/11/2022 thể hiện: “Citilight Tân Hiệp Biên Hòa, hóa đơn ngày 07/01/2022- số chứng từ BC 063 - số tiền 1.190.580 đồng. Tính đến ngày

17/11/2022 Công ty B còn nợ Công ty K số tiền nợ gốc của Dự án khu căn hộ thương mại Đại Phú là 1.247.185 đồng.” Mặt khác, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/02/2023 Công ty B xác nhận tính đến ngày 22/02/2023 Công ty B còn nợ Công ty K số tiền gốc là 772.389.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 300.000.000 đồng. Do đó, việc Công ty B cho rằng đã thanh toán số tiền 1.190.580 đồng cho Dự án khu căn hộ thương mại Đại Phú là không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu Công ty B trả tiền lãi suất quá hạn do vi phạm thời hạn thanh toán tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày 22/02/2023 là 300.000.000 đồng (theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/02/2023) và tính từ ngày 23/02/2023 đến khi xét xử là ngày 28/02/2024 là 119.076.638 đồng - HĐXX nhận thấy: tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/11/2022 và ngày 22/02/2023 đôi bên thỏa thuận lãi suất là 300.000.000 đồng và theo quy định tại khoản 4.6 Điều 4 của Hợp đồng số 193 ngày 09/6/2021 quy định: “Tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1,25%/tháng tính trên tổng số tiền chậm trả” đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và không trái pháp luật do đó, yêu cầu tính lãi của Công ty K là có cơ sở để chấp nhận.

Công ty B kháng cáo cho rằng các biên bản đối chiếu công nợ nêu trên không có giá trị pháp lý, Công ty B không xác nhận có ký các biên bản đối chiếu công nợ và các biên bản đối chiếu công nợ này Công ty B chưa được tiếp cận tài liệu chứng cứ ở cấp sơ thẩm và các biên bản đối chiếu công nợ này không phải do người có thẩm quyền của nguyên đơn ký nên không hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã công khai tài liệu chứng cứ là 03 biên bản đối chiếu công nợ nêu trên. Xét, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ ngày 19/7/2023; ngày 18/10/2023 và tại biên bản phiên tòa ngày 28/02/2024 thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã công khai tài liệu chứng cứ là các biên bản đối chiếu công nợ nêu trên. Xét, tại các biên bản đối chiếu công nợ này thể hiện người đại diện ký biên bản đối chiếu công nợ của Công ty K có văn bản ủy quyền hợp lệ còn Công ty B thì đều do người đại diện theo pháp luật của Công ty B ký tên và đóng dấu xác nhận nên lời trình bày của đại diện Công ty B không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, Công ty B cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty B, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng tuyên xử theo Điều 468 BLDS là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 Luật Thương mại.

[4] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty B không được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; và các điều luật đã viện dẫn;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ phải chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033381 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HĐ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

